



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**THERAGĀTHĀPĀḲI**

**&**

**TẠNG KINH - TIỂU BỘ**

**TRƯỞNG LÃO KỆ**

### 13. TERASANIPĀTO

#### 13. 1. 1.

632. Yāhu ratṭhe samukkaṭṭho rañño aṅgassa paddhagū,<sup>1</sup>  
svājja dhammesu ukkaṭṭho soṇo dukkhassa pāragū.<sup>2</sup>
633. Pañca chinde pañca jahe pañca c' uttari bhāvaye,  
pañca saṅgātigo bhikkhu oghatiṇṇo 'ti vuccati.
634. Unnaḷassa pamattassa bāhirāsassa bhikkhuno,  
silaṃ samādhi paññā ca pāripūriṃ na gacchati.
635. Yaṃ hi kiccaṃ tadapaviddhaṃ<sup>3</sup> akiccaṃ pana kayirati,  
unnaḷānaṃ pamattānaṃ tesāṃ vaḍḍhanti āsavā.
636. Yesāṃ ca susamāraddhā niccaṃ kāyagatā sati,  
akiccaṃ te na sevanti kicce sātaccakārino,  
satānaṃ sampajjānānaṃ atthaṃ gacchanti āsavā.
637. Ujumaggamhi akkhāte gacchatha mā nivattatha,  
attanā codayattānaṃ nibbānamabhihāraye.
638. Accāraddhamhi viriyamhi satthā loke anuttaro,  
viṇopamaṃ kiritvā me<sup>4</sup> dhammaṃ desesi cakkhumā.
639. Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā vihāsiṃ sāsane rato,  
samathaṃ<sup>5</sup> paṭipādesiṃ uttamatthassa pattiyaṃ,  
tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
640. Nekkhamme adhimuttassa pavivekaṃ ca cetaso,  
abyāpajjhādhimuttassa upādānakkhayassa ca.

---

<sup>1</sup> patthagū - Syā; paddhagu - PTS.

<sup>2</sup> pāragu - PTS.

<sup>3</sup> apaviddhaṃ - Ma.

<sup>4</sup> karitvā me - Ma, PTS; karitvāna - Syā.

<sup>5</sup> samataṃ - PTS.

## 13. NHÓM MUỖI BA KỆ NGÔN:

### 13. 1. 1.

632. Vị nào đã là nổi bật ở vương quốc, đã là người hầu cận của đức vua Aṅga, vị ấy hôm nay là nổi bật về các pháp (siêu thế), Soṇa là người đã vượt qua bờ kia của khổ đau.

633. Hãy cắt đứt năm, hãy từ bỏ năm, và hãy tu tập thêm nữa về năm. Vị tỳ khưu, là người đã vượt khỏi năm sự trói buộc, được gọi là ‘đã vượt qua cơn lũ.’<sup>1</sup>

634. Đối với vị tỳ khưu kiêu ngạo, xao lãng, hướng ngoại, giới, định, và tuệ của vị ấy không đi đến sự tròn đủ.

635. Bởi vì việc cần làm bị bỏ bê, trái lại việc không cần làm được thực hiện. Đối với những kẻ kiêu ngạo, xao lãng, các lậu hoặc của những kẻ ấy tăng trưởng.

636. Và đối với những vị nào, niệm đặt ở thân khéo được tiến hành thường xuyên, những vị ấy không thực hành việc không cần làm, có sự kiên trì thực hiện các việc cần làm. Đối với những vị có niệm, có sự nhận biết rõ rệt, các lậu hoặc của những vị ấy đi đến sự chấm dứt.

637. Các người hãy bước đi ở con đường thẳng tắp đã được chỉ dạy, chớ quay trở lại. Nên tự mình quả trách chính mình, nên đón rước Niết Bàn.

638. Về sự tinh tấn đã được khởi sự quá mức (của tôi), bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng ở thế gian, bậc Hữu Nhân, sau khi làm ví dụ về cây đàn bậc *vijā*, đã thuyết giảng Giáo Pháp.

639. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, được thích thú ở lời giáo huấn, tôi đã an trú. Tôi đã thực hành về chỉ tịnh nhằm đạt đến mục đích tối thượng. Ba Minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

640. Đối với người đã thiên về sự xuất ly và có tâm ý về việc tách ly, đối với người đã thiên về không hãm hại và có sự cặn kẽ của các chấp thủ, ...

---

<sup>1</sup> Cắt đứt năm ràng buộc bậc thấp (hạ phần kiết sử), từ bỏ năm ràng buộc bậc cao (thượng phần kiết sử), và tu tập năm thêm nữa về năm quyền (tín, tấn, niệm, định, tuệ), vượt khỏi năm sự trói buộc (luyến ái, sân si, ngã mạn, tà kiến), đã vượt qua cơn lũ là đã vượt qua bốn bậc lưu: dục bậc lưu, hữu bậc lưu, tà kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu (ThagA. ii, 268-269, PTS).

641. Taṇhakkhayādhimuttassa asammohaṃ ca cetaso,  
disvā āyatanuppādaṃ sammā cittaṃ vimuccati.

642. Tassa sammā vimuttassa santacittassa bhikkhuno,  
katassa paticayo natthi karaṇīyaṃ na vijjati.

643. Selo yathā ekaghano vātena na samīrati,  
evaṃ rūpā rasā saddā gandhā phassā ca kevalā.

644. Itthā dhammā aniṭṭhā ca nappavedhenti tādino,  
ṭhitaṃ cittaṃ visaññuttaṃ vayañcassānupassati ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā soṇo koḷiviso thero gāthāyo abhāsithā ”ti.

### **Soṇattheragāthā.**

\*\*\*\*\*

### **TASSUDDĀNAṀ**

Soṇo koḷiviso thero ekoyeva mahiddhiko,  
terasamhi nipātamhi gāthāyo cettha terasā ”ti.

### **Terasanipāto niṭṭhito.**

--ooOoo--

641. ... đối với người đã thiên về sự cạn kiệt của tham ái và có tâm ý về sự không si mê, sau khi nhìn thấy sự sanh lên của các xứ, tâm (của người ấy) được giải thoát một cách đúng đắn.

642. Đối với vị tỳ kheu, có tâm an tịnh, đã được giải thoát một cách đúng đắn ấy, không có sự tích lũy đối với việc đã làm, việc cần phải làm không có.

643. Giống như tảng đá cứng rắn không bị lay chuyển bởi gió, tương tự như thế toàn bộ các sắc, các vị, các thính, các hương, các xúc, ...

644. ... các đối tượng của tâm, được mong muốn và không được mong muốn, không làm xao động tâm vững chắc không bị ràng buộc của vị như thế ấy, và (vị ấy) theo dõi sự diệt của điều này.”

Đại đức trưởng lão Soṇa Koliṇisa đã nói những lời kệ như thế.

### **Kệ ngôn của trưởng lão Soṇa.**

\*\*\*\*\*

### **TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:**

Trưởng lão Soṇa Koliṇisa, chỉ một vị, có đại thần lực, và trường hợp này có mười ba câu kệ ở nhóm mười ba.”

### **Nhóm Mười Ba Kệ Ngôn được chấm dứt.**

--ooOoo--